

Số: 58/2025/QĐST-DS

C, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 54/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q**; địa chỉ: Tầng A Tòa nhà S P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình T – Giám đốc khối mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Văn P – Giám đốc THN và XLN Vùng đông N

Bà Phạm Thị Khánh P1, sinh năm 1996; địa chỉ: Số C Đại lộ B, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Bị đơn: **Ông Lê Văn T1, sinh năm 1978; bà Trịnh Thị L, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Tổ 8, kp Thủ Chánh, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Văn T1, bà Trịnh Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ tính đến ngày 17/6/2025 là: 4.761.169.990 đồng trong đó:

Khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 3629483.22 ngày 07/3/2022 là: 4.520.819.794đ bao gồm 3.599.100.000 đồng nợ gốc và 619.516.262 đồng nợ lãi trong hạn; lãi quá hạn: 302.203.532đ;

Khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 3662331.23 ngày 27/12/2023 kèm khế ước nhận nợ số 3662331.23 ngày 27/12/2023 tổng số tiền là: 240.350.196 đồng bao gồm 199.900.000đ tiền gốc; lãi trong hạn 27.208.219đ; lãi quá hạn 13.241.977đ.

2.2. Về phương thức và thời gian thanh toán: Phương thức thanh toán tiền, thời gian trả tiền là khi có Quyết định công nhận sự thoả thuận của đương sự của Toà án thì đề Luật Thi hành án dân sự điều chỉnh.

2.3. Ông Lê Văn T1, bà Trịnh Thị L phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 18/6/2025 cho đến khi thanh toán hết từng khoản nợ theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng số

3629483.22 ngày 07/3/2022, kiêm khế ước nhận nợ số 3629483.22 ngày 09/3/2022 và hợp đồng tín dụng số 3662331.23 ngày 27/12/2023 kiêm khế ước nhận nợ số 3662331.23 ngày 27/12/2023.

2.4. Trường hợp ông T1, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Quyết định của Tòa án thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 302, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp T, xã T nay là kp T, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo giấy CNQSDĐ số BQ 206190, sổ vào sổ CH 02031 do UBND huyện C cấp ngày 06/11/2013 đứng tên ông Lê Văn T1, bà Trịnh Thị L theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 00003002, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, Bình Phước ký ngày 08/3/2022.

Quyền sử dụng đất Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 192 tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp T, xã T nay là kp T, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo giấy CNQSDĐ số CD 607476, sổ vào sổ CS 00135 do Sở T2 cấp ngày 02/8/2018 đứng tên ông Lê Văn T1, bà Trịnh Thị L theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 00003002, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, Bình Phước ký ngày 08/3/2022.

2.5. Về chi phí xem xét thẩm định: 5.000.000 đồng, ông T1, bà L phải chịu. Ngân hàng TMCP Q đã đóng tạm ứng số tiền này. Ông T1, bà L có trách nhiệm thanh toán lại cho ngân hàng TMCP Q số tiền này.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T1, bà L phải chịu số tiền án phí là 56.380.584 đồng. Ngân hàng TMCP Q không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.168.794 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004764 ngày 24/02/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi

nhận:

THẨM PHÁN

- TAND tỉnh BP;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Văn Vân